

Số 2168/QĐ-SNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5854/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có trách nhiệm công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách của đơn vị theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý xây dựng công trình, Kỹ thuật và chính sách nông nghiệp; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- Giám đốc Sở (bc);
- Website Sở NN và PTNT;
- Lưu: VT, KHTC_(Tùng).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tạ Văn Tường

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH**Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.332.357.480.000
A	Chi quản lý hành chính	225.667.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	210.876.000.000
1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	14.652.000.000
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	7.885.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	6.767.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	<i>5.025.000.000</i>
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	<i>1.192.000.000</i>
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	<i>550.000.000</i>
2	Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT	5.146.000.000
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	2.995.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	2.151.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	<i>1.604.000.000</i>
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	<i>547.000.000</i>
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	45.847.000.000
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	24.971.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	20.876.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	<i>18.027.000.000</i>
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	<i>2.739.000.000</i>
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	<i>110.000.000</i>
4	Chi cục Thủy lợi Phòng, chống thiên tai	43.052.000.000
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	20.705.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	22.347.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	<i>14.965.000.000</i>
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	<i>7.274.000.000</i>
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	<i>108.000.000</i>
5	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	50.244.000.000
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	26.103.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	24.141.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	<i>23.073.000.000</i>
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	<i>960.000.000</i>
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	<i>108.000.000</i>
6	Chi cục Thủy sản (28 biên chế)	5.757.000.000
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	2.949.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	2.808.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	<i>2.041.000.000</i>
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	<i>659.000.000</i>
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	<i>108.000.000</i>
7	Chi cục Phát triển nông thôn	7.070.000.000
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	3.796.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	3.274.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	<i>2.398.000.000</i>
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	<i>766.000.000</i>
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	<i>110.000.000</i>
8	Chi cục Kiểm lâm	33.624.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH**Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	17.241.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	16.383.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	8.466.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLĐ thừa hành, phục vụ</i>	7.808.000.000
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	109.000.000
9	Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản	5.484.000.000
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	2.761.000.000
*	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	2.723.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	1.968.000.000
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLĐ thừa hành, phục vụ</i>	647.000.000
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	108.000.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.791.000.000
1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	5.470.000.000
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	4.877.000.000
	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố (chi bồi dưỡng trực; dịch vụ công cộng; văn phòng phẩm; thông tin liên lạc; chi sửa chữa TSCĐ; vật tư, chi khác)	2.000.000.000
	Kinh phí duy trì hệ thống thông tin ngành nông nghiệp	1.000.000.000
	Kinh phí tập huấn bồi dưỡng kiến thức an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp	600.000.000
	Kinh phí phục vụ công tác diễn tập khu vực phòng thủ năm 2023 (thực hiện khi có Kế hoạch của UBND Thành phố)	
	Kinh phí thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố	20.000.000
	Điều tra, đánh giá tiềm năng phát triển sản xuất cây dược liệu gắn với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	
	Đánh giá tiềm năng phát triển sản xuất cây dược liệu gắn với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	732.000.000
	Kinh phí thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT	300.000.000
	Kinh phí tổ chức tang lễ cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý qua các thời kỳ	25.000.000
	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo Kế hoạch của UBND Thành phố	200.000.000
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>	593.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
2	Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT	5.610.000.000
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	5.419.000.000
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn – kỹ thuật, quy tắc quản lý trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, buôn bán, sử dụng, công bố hợp quy và khảo nghiệm phân bón đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội	1.190.000.000
	May trang phục thanh tra	95.000.000
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn – kỹ thuật, quy tắc quản lý trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội	255.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn – kỹ thuật, quy tắc quản lý trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản đối với tổ chức, cá nhân thuộc ngành nông nghiệp quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.484.000.000
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm sản và thủy sản trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Sở nông nghiệp & PTNT Hà Nội	1.890.000.000
	Thanh tra, kiểm tra đối với bến bãi tập kết, kinh doanh, trung chuyển vật liệu xây dựng và công trình cấp phép liên quan đến đề điều trong mùa mưa bão trên địa bàn thành phố Hà Nội	
	Đoàn đi Học tập trao đổi kinh nghiệm về công tác chống buôn lậu, gian lận, thương mại và hàng giả trong lĩnh vực nông nghiệp tại các tỉnh Nam Trung Bộ (Thực hiện sau khi được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương)	270.000.000
	Thanh tra đối với các dự án do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý trên địa bàn Thành phố.	235.000.000
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)	68.000.000
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	123.000.000
3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	170.000.000
*	Chi nghiệp vụ	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)	170.000.000
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
4	Chi cục Thủy lợi Phòng, chống thiên tai	933.000.000
*	Chi nghiệp vụ	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)	867.000.000
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	66.000.000
5	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	379.000.000
*	Chi nghiệp vụ	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)	158.000.000
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	221.000.000
6	Chi cục Thủy sản	
*	Chi nghiệp vụ	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
7	Chi cục Phát triển nông thôn	498.000.000
*	Chi nghiệp vụ	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)	498.000.000
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
8	Chi cục Kiểm lâm	1.544.000.000
*	Chi nghiệp vụ	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)	1.544.000.000
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
9	Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản	187.000.000
*	Chi nghiệp vụ	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)	50.000.000
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	137.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH**Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
B	Chi sự nghiệp kinh tế	2.095.305.480.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	80.729.000.000
1	Trung tâm Phát triển nông nghiệp	16.571.000.000
*	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.571.000.000
2	Ban Quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng	9.983.000.000
*	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.983.000.000
3	Trung tâm Khuyến nông	25.914.000.000
*	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	25.914.000.000
4	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới	6.622.000.000
*	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.622.000.000
5	Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội	10.911.000.000
*	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.911.000.000
6	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã	4.034.000.000
*	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.034.000.000
7	Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội	6.694.000.000
*	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.694.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.014.576.480.000
1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26.738.000.000
*	Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	
	Chi theo định mức phân bổ	
	Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ	
	Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	
*	Chi nghiệp vụ	26.738.000.000
-	Cung ứng tình dịch lợn phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo lợn trên địa bàn thành phố Hà Nội	13.939.000.000
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển bò cái nền trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	1.500.000.000
-	Hỗ trợ sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống gà Mía 01 ngày tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022	11.069.000.000
-	Kinh phí thực hiện Dự án “Tăng cường chuỗi giá trị cây trồng an toàn tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam”	230.000.000
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi nhiệm vụ quy hoạch	
2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	101.612.000.000
*	Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	101.612.000.000
-	Kinh phí phòng chống dịch cúm gia cầm	30.850.000.000
-	Kinh phí phòng chống dịch lở mồm long móng	22.930.000.000
-	Kinh phí diệt ruồi tại các chợ, khu chăn nuôi, bãi rác	5.680.000.000
-	Hỗ trợ kinh phí tiêm phòng đại đàn chó, mèo	4.815.000.000
-	Kinh phí tiêm phòng các bệnh nguy hiểm trên gia súc (tai xanh, dịch tả, dịch tả lợn Châu phi)	10.490.000.000
-	Kinh phí kiểm tra, đối chiếu cung ứng tinh lợn miễn phí, gà mía giống 01 ngày tuổi trên địa bàn Thành phố	194.000.000
-	Kinh phí tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, thuốc thú y trên địa bàn Thành phố	950.000.000
-	Kinh phí đảm bảo an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, thú y	1.280.000.000
-	Tăng cường quản lý chăn nuôi tại các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố	855.000.000
-	Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò trên địa bàn thành phố Hà Nội	3.885.000.000
-	Kinh phí hoạt động thanh tra chuyên ngành chăn nuôi thú y	577.000.000
-	Phụ cấp của nhân viên chăn nuôi thú y cấp xã (theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021)	19.106.000.000
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
3	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	77.433.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	<i>Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)</i>	
-	<i>Chi khác ngoài lương (1) gồm:</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	72.313.000.000
-	Chi phục vụ công tác phòng chống thiên tai	10.000.000.000
-	Kinh phí tuyên truyền phòng ngừa vi phạm pháp luật về đê điều tại các xã ven đê, Công tác chống úng chống hạn về Luật thủy lợi, các Nghị định thông tư hướng dẫn thi hành Luật thủy lợi	750.000.000
-	Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công duy tu bảo dưỡng một số hạng mục đê điều trên địa bàn thành phố năm 2023	48.800.000.000
-	Kinh phí phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng một số hạng mục đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội	170.000.000
-	Hoạt động thanh tra kiểm tra chuyên ngành	700.000.000
-	Kế hoạch Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội	4.500.000.000
-	Đề án “Triển khai thực hiện Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai” giai đoạn 2021-2025”	1.500.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
-	Khảo sát, lập báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều thành phố Hà Nội trước mùa lũ năm 2023	
-	Điều tra, nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi chế độ dòng chảy và các yếu tố tác động gây ra sạt lở tại khu vực kè Đồng Viên	473.000.000
-	Điều tra, nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi chế độ dòng chảy và các yếu tố tác động gây ra sạt lở tại khu vực kè Xuân Canh	495.000.000
-	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	
-	Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước Đồng Quan, Kèo Cà, Đền Sóc, Ban Tiện	1.925.000.000
-	Tăng cường năng lực quản lý cải thiện chất lượng nước năm 2023	3.000.000.000
-	Xây dựng định mức đơn giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	
-	Xây dựng Quy trình vận hành hệ thống thủy lợi Đan Hoài	
-	Ra soát điều chỉnh Quy trình vận hành hồ chứa nước Quan Sơn, huyện Mỹ Đức, hồ Đồng Suông, huyện Chương Mỹ	
-	Tổ chức tập huấn, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi nhiệm vụ quy hoạch	5.120.000.000
	Điều chỉnh Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết của từng tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố Hà Nội	5.120.000.000
4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	57.055.000.000
*	Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	
	Chi theo định mức phân bổ	
	Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ	
	Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	
*	Chi nghiệp vụ	57.055.000.000
-	Kinh phí thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm trên cây ăn quả, chè	3.600.000.000
-	Công nhận, quản lý cây đầu dòng và giống cây trồng	884.000.000
-	Kinh phí triển khai xây dựng một số nhiệm vụ phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội	1.580.000.000
-	Cấp, quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt năm 2023 theo quy định tại Thông tư số 53/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính	1.303.000.000
-	Xây dựng hồ sơ đăng ký lưu hành đặc cách một số giống cây trồng	
-	Tăng cường công tác kiểm dịch thực vật	870.000.000
-	Kế hoạch diệt chuột bảo vệ sản xuất nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng thành phố Hà Nội	15.106.000.000
-	Tăng cường quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trong lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn thành phố Hà Nội	4.092.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
-	Duy trì, phát triển, mở rộng sản xuất và tiêu thụ rau an toàn thành phố Hà Nội	26.000.000.000
-	Trang phục thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và kiểm dịch thực vật năm 2023	
-	Hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI) và phòng trừ dịch hại tổng hợp trên một số cây trồng	3.620.000.000
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi nhiệm vụ quy hoạch	
5	Chi cục Thủy sản	5.308.000.000
*	Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	
	Chi theo định mức phân bổ	
	Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ	
	Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	
*	Chi nghiệp vụ	5.308.000.000
-	Công tác quản lý dịch bệnh thủy sản	
-	Bảo vệ tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	
-	Hoạt động thanh tra kiểm tra chuyên ngành	235.000.000
-	Quản lý thủy sinh vật ngoại lai xâm hại trong lĩnh vực thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	
-	Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản trên địa bàn Hà Nội	
-	Quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc kháng sinh, hóa chất và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm	526.000.000
-	Tuyên truyền, hướng dẫn về nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn Viet Gap đến cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	105.000.000
-	Công tác quản lý chất lượng giống và nuôi thương phẩm thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	386.000.000
-	Quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.910.000.000
-	Kế hoạch ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025	390.000.000
-	Triển khai thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hà Nội	880.000.000
-	Kế hoạch hành động bảo tồn các cá thể rùa Hoàn Kiếm trên hồ Đồng Mô và hồ Xuân Khanh. TP Hà Nội	222.000.000
-	Kế hoạch phát triển nuôi tôm càng xanh trên địa bàn Hà Nội	654.000.000
-	Quản lý thủy sinh vật làm cảnh thành phố Hà Nội	
-	Thực hiện nhiệm vụ giám sát, cảnh báo về an toàn thực phẩm sản phẩm thủy sản trong sản xuất thành phố Hà Nội	
-	Bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản thành phố Hà Nội	
-	Điều tra, đánh giá môi trường, nguồn lợi thủy sản hiện có tại các hồ trong nội thành thành phố Hà Nội	
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH**Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
6	Chi cục Phát triển nông thôn	13.117.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	<i>Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)</i>	
-	<i>Chi khác ngoài lương (1) gồm:</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>13.117.000.000</i>
-	Kinh phí hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành	192.000.000
-	Kinh phí kiểm tra, giám sát đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp theo chuỗi giai đoạn 2021-2025	1.300.000.000
-	Tổ chức Hội thảo về phát triển nông thôn: hợp tác xã, trang trại, làng nghề, quy hoạch dân cư ... trên địa bàn thành phố Hà Nội	400.000.000
-	Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về chuyên ngành cho cán bộ quản lý hợp tác xã và chủ trang trại trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.060.000.000
-	Kế hoạch củng cố, kiện toàn hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND Thành phố về phê duyệt kế hoạch)	1.937.000.000
-	Tham gia Hội chợ giống vật tư thiết bị nông nghiệp, nông sản an toàn, ocop, sản phẩm làng nghề tại các tỉnh, thành phố trong nước	700.000.000
-	Tổ chức Hội chợ giống vật tư thiết bị nông nghiệp, nông sản an toàn, ocop, sản phẩm làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội	4.100.000.000
-	Đoàn cán bộ thành phố Hà Nội đi làm việc tại các tỉnh có người dân của thành phố Hà Nội đi xây dựng vùng kinh tế mới và Đón tiếp các đoàn cán bộ, cán bộ lão thành cách mạng, người dân có uy tín trong cộng đồng... của các tỉnh, Thành phố đến thăm, làm việc với thành phố Hà Nội	168.000.000
-	Tuyên truyền về phát triển nông thôn (kinh tế tập thể, Kinh tế hợp tác, Kinh tế hộ và trang trại, làng nghề, ngành nghề nông thôn, di dân, tái định cư nông thôn) trên địa bàn thành phố Hà Nội	900.000.000
-	Kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	465.000.000
-	Tổ chức Hội thi sản phẩm làng nghề thành phố Hà Nội năm 2023 (thực hiện sau khi chủ trương của UBND Thành phố)	1.689.000.000
-	Tổ chức đoàn công tác đi trao đổi kinh nghiệm và kết nối vùng nguyên liệu cho các làng nghề (02 đoàn) (thực hiện sau khi chủ được UBND Thành phố phê duyệt chủ trương)	106.000.000
-	Kiểm tra, rà soát các hộ dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2023	100.000.000
-	Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 (Thực hiện sau khi UBND Thành phố phê duyệt Kế hoạch)	
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
7	Chi cục Kiểm lâm	30.542.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	
	Chi theo định mức phân bổ	
	Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ	
	Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	
*	Chi nghiệp vụ	30.542.000.000
-	Thông tin cảnh báo cháy rừng	165.000.000
-	Tuyên truyền chuyên sâu về công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và quản lý lâm sản	1.232.000.000
-	Kinh phí huy động lực lượng ngăn chặn phá rừng và phòng cháy chữa cháy rừng	708.000.000
-	Nâng cao năng lực thực thi Hiệp định đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.449.000.000
-	Kinh phí may trang phục kiểm lâm	1.313.000.000
-	Thuê trụ sở làm việc của Hạt kiểm lâm số 3	145.000.000
-	Kinh phí bơm nước vào bể phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng	472.000.000
-	Thực hiện Đề án bảo tồn, phát triển các loài động, thực vật hoang dã có nguồn gen quý hiếm trên địa bàn thành phố Hà Nội	7.993.000.000
-	Thực hiện Đề án Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm, cán bộ quản lý các cấp và các chủ rừng, cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội	3.980.000.000
-	Tuyên truyền về công tác xây dựng lực lượng kiểm lâm và các hoạt động nâng cao năng lực cho lực lượng	3.645.000.000
-	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày thành lập lực lượng Kiểm lâm Việt Nam (21/5/1973-21/5/2023)	1.148.000.000
-	Xây dựng kế hoạch đánh giá thực trạng và dự tính dự báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến năng suất của rừng trồng và đề xuất các giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	1.482.000.000
-	Xây dựng kế hoạch phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu theo hướng thâm canh, bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	1.024.000.000
-	Xây dựng kế hoạch đánh giá thực trạng các hoạt động tác động tiêu cực đến rừng để đề xuất các giải pháp quản lý rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	1.213.000.000
-	Xây dựng kế hoạch điều tra, đánh giá hiện trạng rừng trồng làm cơ sở đề xuất phát triển rừng trồng phù hợp đảm bảo phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	1.271.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Điều tra xác định thành phần sâu, bệnh hại và đề xuất giải pháp làm giảm thiểu ảnh hưởng đến quần thể cây Lim Xanh tại Đền Và, Thị xã Sơn Tây và khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan K9-Bộ Tư lệnh bảo vệ lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, huyện Ba Vì, Hà Nội	990.000.000
	Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của lực lượng xử phạt trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng - 1.032 triệu đồng	1.032.000.000
-	Chuẩn bị đầu tư đề án Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội	460.000.000
-	Chuẩn bị đầu tư đề án Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội	446.000.000
-	Chuẩn bị đầu tư Đề án điều tra rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội	374.000.000
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi nhiệm vụ quy hoạch	
8	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	32.290.000.000
*	Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm: Chi theo định mức phân bổ Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	
*	Chi nghiệp vụ	32.290.000.000
-	Kinh phí thanh, kiểm tra về chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	1.740.000.000
-	Tập huấn kiến thức chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối	2.000.000.000
-	Công tác giám sát, cảnh báo nguy cơ chất lượng nông lâm thủy sản trên địa bàn và 2 chợ đầu mối	4.700.000.000
-	Hoạt động quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP nông lâm thủy sản của Ngành Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	1.078.000.000
-	Quản lý chế biến nông, lâm, thủy sản và muối ngành nông nghiệp và PTNT	1.500.000.000
-	Quản lý thương mại - kết nối tiêu thụ thực phẩm nông lâm thủy sản ngành Nông nghiệp và PTNT	2.650.000.000
-	Thông tin, truyền thông về quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	3.500.000.000
-	Hoạt động tăng cường công tác đảm bảo ATTP trong sản xuất, sơ chế chế biến, kinh doanh nông, lâm sản và thủy sản	13.076.000.000
-	Tăng cường quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn thành phố Hà Nội	800.000.000
-	Tăng cường công tác huy động người Việt nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài	1.246.000.000
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)	
*	Chi nhiệm vụ quy hoạch	
9	Văn phòng Điều phối Chương trình XDNTM TP Hà Nội	72.452.000.000
*	Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm: Chi theo định mức phân bổ Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH**Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	72.392.000.000
-	Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo Chương trình Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025	5.300.000.000
-	Kinh phí tập huấn bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp	10.700.000.000
-	Kinh phí tuyên truyền về công tác xây dựng nông thôn mới	6.000.000.000
-	Kinh phí xây dựng Đề án Nông nghiệp đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2026	800.000.000
-	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm thành phố Hà Nội đến năm 2025	49.592.000.000
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>	60.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
10	Trung tâm Phát triển nông nghiệp	79.726.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	68.809.000.000
-	Kinh phí bảo hiểm nông nghiệp	150.000.000
-	Kế hoạch phát triển sản xuất lúa japonica và lúa chất lượng cao hàng hóa theo tiêu chuẩn xuất khẩu giai đoạn 2021-2025	19.615.000.000
-	Kế hoạch phát triển sản xuất giống bưởi đỏ Tân Lạc và một số giống bưởi đặc sản Hà Nội giai đoạn 2021-2025	15.707.000.000
-	Kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi (bò thịt, bò sữa) và thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	17.837.000.000
-	Kinh phí tập huấn kỹ thuật sản xuất cho đối tượng được hưởng Chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố	5.000.000.000
-	Kế hoạch phát triển sản xuất chuối theo tiêu chuẩn xuất khẩu giai đoạn 2021-2025	9.000.000.000
-	Kinh phí hỗ trợ lãi xuất và hỗ trợ chi phí giết mổ gia súc, gia cầm theo chính sách tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố	500.000.000
-	Xây dựng Kế hoạch phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023-2025 và định hướng 2030	1.000.000.000
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn đến năm 2030	
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>	10.917.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
11	Ban Quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng	16.691.480.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH**Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	16.464.480.000
-	Khoan bao về rừng	7.386.000.000
-	Tuyên truyền công tác bảo vệ và PCCC rừng (huyện Sóc Sơn và rừng Hương Sơn)	557.000.000
-	Hạ cấp vật liệu cháy 150 ha (năm 2022: 65 ha)	6.948.000.000
-	Trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, bảo hộ lao động ... phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng	500.000.000
-	Lập hồ sơ giao khoán quản lý bảo vệ rừng phòng hộ huyện Sóc Sơn (diện tích tiếp nhận từ Ban quản lý rừng PH-ĐD Sóc Sơn)	
-	Kinh phí tinh giảm biên chế đợt 2 năm 2023	153.480.000
-	Hỗ trợ đầu tư phát triển cộng đồng dân cư vùng đệm khu rừng đặng dụng Hương Sơn	920.000.000
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>	227.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
12	Trung tâm Khuyến nông	4.150.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	3.550.000.000
-	Kinh phí chi quản lý quỹ giải ngân vốn vay cơ giới hóa nông nghiệp theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố	2.900.000.000
-	Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết 30 năm hoạt động Khuyến nông Việt Nam	650.000.000
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>	600.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
13	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới	19.900.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm:	
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HDLD thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	19.900.000.000
-	Truyền thông về nước sạch và Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	1.000.000.000
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch thúc đẩy tái sử dụng, tái chế biến chất thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường gắn kết chuỗi giá trị nông sản hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2023 -2025.	3.000.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
-	Công tác theo dõi- đánh giá về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	6.000.000.000
-	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu theo dõi đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	9.900.000.000
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
14	Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội	1.340.501.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm: <i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	649.784.000.000
-	Chi quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cụm công trình phân lũ sông Đáy	4.239.000.000
-	Kinh phí thực hiện công tác quản lý kênh dẫn Cẩm Đình - Hiệp Thuận và công tác đưa nước sông Hồng vào sông Đáy qua cụm công trình dẫn nước Cẩm Đình - Hiệp Thuận	388.000.000
-	Kinh phí đánh giá khả năng sẵn sàng làm nhiệm vụ chuyển lũ của cụm công trình (theo Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 4/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy trình vận hành cụm công trình đầu mỗi phân lũ sông Đáy)	793.000.000
-	Kinh phí giám sát, nghiệm thu việc thực hiện quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi thành phố Hà Nội	
-	Kinh phí quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi của cấp Thành phố tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (Kinh phí chưa bao gồm kinh phí duy trì hệ thống công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý và kinh phí do thay đổi đơn giá theo khung giá mới của Bộ Tài chính)	644.364.000.000
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>	234.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	690.483.000.000
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
15	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã	17.897.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)	
-	Chi khác ngoài lương (1) gồm: <i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	17.837.000.000
-	Cứu hộ, bảo tồn, nhân nuôi sinh sản động vật hoang dã	17.300.000.000
-	Tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã	420.000.000
-	Kinh phí thực hiện đề án bảo vệ môi trường	117.000.000
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)</i>	60.000.000
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH**Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
16	Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội	22.110.000.000
*	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (2)</i>	
-	<i>Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,..)</i>	
-	<i>Chi khác ngoài lương (1) gồm:</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ</i>	
	<i>Chi theo định mức phân bổ cho các đối tượng HĐLĐ thừa hành, phục vụ</i>	
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>17.150.000.000</i>
-	<i>Kinh phí thực hiện Đề án Phát triển năng lực phân tích và chứng nhận sản phẩm nông nghiệp của Trung tâm giai đoạn 2021-2025</i>	<i>9.730.000.000</i>
-	<i>Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và vật tư nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội</i>	<i>7.420.000.000</i>
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC (theo danh mục đính kèm)</i>	<i>4.960.000.000</i>
*	<i>Chi sửa chữa, cải tạo các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	
*	<i>Chi nhiệm vụ quy hoạch</i>	
17	Công ty Cổ phần giống gia súc Hà Nội	17.080.000.000
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>17.080.000.000</i>
-	<i>Dự án "Ứng dụng kết quả nghiên cứu lai tạo giống bò BBB trên nền đàn bò lai sind thành đàn bò F1 hướng thịt trên địa bàn thành phố Hà Nội"</i>	<i>17.080.000.000</i>
18	Kinh phí hoạt động Khuyến nông thành phố Hà Nội	57.517.000.000
	<i>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>200.000.000</i>
	<i>Trung tâm Khuyến nông</i>	<i>39.250.000.000</i>
	<i>Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp</i>	<i>1.118.000.000</i>
	<i>Trung tâm Phát triển nông nghiệp</i>	<i>16.949.000.000</i>
19	Kinh phí hợp tác với các tỉnh, thành	5.075.000.000
	<i>Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>925.000.000</i>
	<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Kinh phí hỗ trợ tỉnh Quảng Trị phát triển đàn bò thịt BBB)</i>	<i>4.150.000.000</i>
20	Chương trình hợp tác với nước ngoài (thực hiện sau khi UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch)	15.000.000.000
	<i>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>15.000.000.000</i>
	<i>Trung tâm Khuyến nông</i>	
	<i>Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai</i>	
	<i>Văn phòng điều phối Nông thôn mới</i>	
21	Các nhiệm vụ đột xuất khác phát sinh trong năm theo chỉ đạo của UBND Thành phố và kinh phí thực hiện các kế hoạch, đề án dự kiến được UBND Thành phố phê duyệt trong năm. Trong đó: Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của lực lượng xử phạt trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng - 1.032 triệu đồng	2.382.000.000
C	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	825.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	825.000.000
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>825.000.000</i>
	<i>Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố (thực hiện theo nội dung và chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao)</i>	<i>825.000.000</i>
	<i>Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>105.000.000</i>

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT	130.000.000
	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	30.000.000
	Chi cục Phát triển nông thôn	
	Chi cục Kiểm lâm	464.000.000
	Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội	96.000.000
D	Nghiên cứu khoa học	10.560.000.000
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>10.560.000.000</i>
*	Chi nghiệp vụ	10.560.000.000
-	Xây dựng Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (<i>Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT</i>)	560.000.000
	Xây dựng cơ sở dữ liệu trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y và Hệ thống cảnh báo dịch bệnh cây trồng, vật nuôi trên địa bàn thành phố Hà Nội (<i>Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT</i>)	10.000.000.000
	Chỉnh lý, xác định lại giá trị tài liệu và tạo lập cơ sở dữ liệu lưu trữ điện tử tại Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	
E	Chương trình mục tiêu quốc gia	
	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025	
	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030	

DANH MỤC MUA SẴM, SỬA CHỮA TÀI SẢN CÔNG NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Tổng số	21.006
I	Chi quản lý hành chính	3.948
1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	593
	Sửa chữa các phòng vệ sinh cơ quan Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội	
	Máy photocopy (01 chiếc)	130
	Điều hòa treo tường 12.000 BTU (05 chiếc)	95
	Máy tính xách tay (01 chiếc)	20
	Máy scan 02 mặt (01 chiếc)	20
	Tủ sắt để tài liệu (05 chiếc)	25
	Giá sắt để tài liệu (20 chiếc)	60
	Hệ thống chữa cháy tự động phòng máy chủ	195
	Bảo dưỡng hệ thống PCCC	48
2	Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT	68
	Máy tính xách tay (01 chiếc)	20
	Bàn ghế phòng họp nhỏ (1 bàn hộp, 6 ghế)	20
	Tủ gỗ đựng tài liệu (01 chiếc)	10
	Bàn ghế giả da (gồm 1 ghế đơn, 1 ghế dài, 2 đôn, 1 bàn có kính)	18
3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	170
	Mua điều hòa cục treo tường 18.000btu/h 1 chiều inverter, công, phụ kiện lắp đặt (Ống bảo ôn, ống đồng, giá đỡ, dây điện...), công (06 cái)	120
	Sửa chữa xe ô tô chuyên dùng (01 cái)	50
4	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	867
	Máy tính xách tay (01 chiếc)	20
	Máy photocopy (01 chiếc)	95
	Điều hoà nhiệt độ 18.000BTU + phụ kiện lắp đặt (07 bộ)	147
	Máy huỷ tài liệu (04 chiếc)	20
	Loa di động (05 bộ)	50
	Sửa chữa xe ô tô chuyên dùng (01 cái)	50
	Sửa chữa trụ sở làm việc Hạt Quản lý đê Gia Lâm	485
5	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	158
	Tủ đựng tài liệu (02 chiếc)	10
	Bàn ghế giả da: gồm 02 ghế đơn, 01ghế dài, 02 đôn và 01 bàn gỗ có kính (05 bộ)	98
	Sửa chữa xe ô tô chuyên dùng (01 cái)	50
7	Chi cục Phát triển nông thôn	498
	Chi sửa chữa trụ sở năm 2023 (thay khung sắt + mái tôn tầng 3, sơn chống thấm và sửa chữa hệ thống thoát nước)	498
8	Chi cục Kiểm lâm	1.544
	Máy Photocopy: 06 chiếc	540

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Giường ngủ phòng trực PCCCR 1,6m x 2m: 27 chiếc (Hạt số 1;2;3;5;6;7;8;9;10: mỗi ĐV 02 chiếc; Đội KLCD số 1;2;3: mỗi ĐV 02 chiếc; Trạm PCCCR: 03 chiếc)	81
	Máy bơm chữa cháy rừng áp lực cao tự động chuyển tiếp nước: (VPCC: 1chiếc)	
	Máy bơm chữa cháy rừng: 5 chiếc (VPCC)	
	Vòi chữa cháy áp lực cao D50(Cuộn 20m): 200 cuộn (VPCC)	320
	Máy cưa xăng cầm tay: 15 chiếc (VPCC)	
	Máy thổi lá động cơ xăng cầm tay: 15 chiếc (VPCC)	
	Máy cắt thực bì: 15 chiếc (VPCC)	132
	Dao phát cán 50 cm phục vụ chữa cháy rừng: 150 chiếc (VPCC)	60
	Vi dập lửa chữa cháy rừng: 150 chiếc (VPCC)	60
	Sửa chữa xe ô tô (10 xe chuyên dùng)	250
	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bơm siêu cao áp (12 cái)	24
	Sửa chữa, bảo dưỡng cưa xăng (20 cái)	28
	Sửa chữa, bảo dưỡng máy thổi gió (20 cái)	28
	Sửa chữa, bảo dưỡng máy cắt thực bì (15 cái)	21
9	Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản	50
	Máy tính xách tay (01 cái)	20
	Bộ bàn ghế tiếp khách (01 bộ)	10
	Tủ đựng tài liệu (01 chiếc)	10
	Máy in (01 chiếc)	10
II	Chi sự nghiệp kinh tế	17.058
1	Văn phòng Điều phối Chương trình XDNTM TP Hà Nội	60
	Máy scan 02 mặt (01 chiếc)	20
	Máy tính sách tay (02 chiếc)	40
2	Trung tâm Phát triển nông nghiệp	10.917
	Sửa chữa xe ô tô chuyên dụng (03 chiếc)	150
	Máy điều hòa nhiệt độ 24.000 BTU 01 chiều bao gồm cả phụ kiện lắp đặt (02 bộ)	56
	Máy điều hòa nhiệt độ 12.000 BTU 02 chiều bao gồm cả phụ kiện lắp đặt (06 bộ)	120
	Máy tính xách tay (05 bộ)	75
	Hệ thống âm thanh hội trường (01 bộ)	95
	Hệ thống dàn lạnh (01 bộ)	138
	Máy trộn thức ăn (01 cái)	240
	Máy nghiền thức ăn (01 cái)	85
	Máy cho cá ăn tự động 3A90W (04 cái)	22
	Hệ thống máy hòa tan khí Oxy (01bộ)	298
	Máy đo Oxy cầm tay (01 cái)	17
	Hệ thống quan trắc môi trường nước tự động (01 bộ)	950
	Máy quạt nước tạo Oxy (04 cái)	36
	Dây chuyền chế biến gạo công suất 2 tấn thóc/giờ. (01 Dây truyền)	5.050
	Cân đóng bao thóc (01 cái)	115
	Máy sấy nông sản lạnh (01 cái)	440
	Máy ép nước rau, củ, quả tươi (01 bộ)	460
	Silo giữ lạnh (01 bộ)	850
	Nồi hấp (01 cái)	340
	Tủ cấy phôi, mầm (01 cái)	86
	Hệ thống giá uơm phôi (01 bộ)	650
	Vật tư, thiết bị phòng nuôi cấy mô (01 bộ)	100
	Dụng cụ pha trộn nguyên liệu (05 bộ)	25

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Cân tiểu ly điện tử (02 cái)	18
	Máy phun âm (05 cái)	60
	Máy khâu bao (02 cái)	20
	Cân đồng hồ (03 cái)	10
	Máy siêu âm thai bò (01 cái)	52
	Cân điện tử (01 cái)	5
	Bình chữa Nito lỏng (04 cái)	54
	Hệ thống dàn lạnh (02 bộ)	300
2	Ban Quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng	227
	Bộ bàn ghế tiếp khách (01 bộ)	10
	Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị máy móc PCCCR, xưởng máy	217
3	Trung tâm Khuyến nông	600
	Máy điều hòa 12000 BTU/h hai chiều inverter có lắp đặt (5 chiếc)	100
	Máy scan hai mặt (01 chiếc)	10
	Bàn hội trường loại nhỏ (20 chiếc)	40
	Bộ bàn họp văn phòng (3 bộ)	30
	Bộ dụng sản xuất chương trình HD (01 bộ)	185
	Thiết bị chuyên dụng cho phòng thu (01 bộ)	235
5	Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội	234
	Điều hòa 18.000 Ptu/h 1 chiều Inverter (2 cái), Điều hòa 12.000 Ptu/h 1 chiều Inverter (3 cái), Phụ kiện lắp đặt máy điều hòa (5 cái)	95
	Tủ sắt đựng dụng cụ, thiết bị (5 cái)	23
	Bộ camera 5 mắt tại khu quản lý cổng Cẩm Đình (1 bộ)	65
	Máy cắt bàn 220v, 50Hz (1 cái)	6
	Máy cửa xích cầm tay chạy xăng (1 cái)	15
	Động cơ điện 7,5Kw 3pha Rô to lồng sóc (2 cái)	30
6	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã	60
	Sửa chữa xe ô tô chuyên dụng (01 cái)	
	Điều hòa treo tường 12.000BTU (04 bộ)	60
7	Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội	4.960
	Hệ thống sắc ký lỏng siêu cao áp đầu dò DAD (UPLC-DAD) 01 hệ thống	3.160
	Hệ thống phá mẫu bằng lò vi sóng 01 hệ thống	1.395
	Tủ hút mùi (01 tủ)	185
	Điều hòa treo tường 12.000BTU (02 bộ)	40
	Điều hòa di động 6.000BTU (02 chiếc)	40
	Máy photocopy (01 chiếc)	90
	Sửa chữa thiết bị phòng kiểm nghiệm hóa học	30
	Sửa chữa thiết bị phòng kiểm nghiệm sinh học	20

DANH MỤC SỬA CHỮA, CẢI TẠO CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2023 SAU ĐIỀU CHỈNH**Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

ĐVT: tr đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
1	2	
	Tổng số	691.030
A	Công trình chuyên tiếp	286.731
1	Quản lý nhà nước	221
	Cải tạo kho thành phòng họp kết hợp nhà làm việc Trạm Bảo vệ thực vật Sóc Sơn (Chi cục Trồng trọt và BVTV)	221
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội)	286.510
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kênh I2-9 và kênh Dân chủ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	11.374
	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh do Công ty TNHH MTV Thủy lợi sông Tích quản lý: Kênh tưới T4 hệ Suối Hai huyện Ba Vì; kênh chính TB đã chiến Xuân Phú huyện Phúc Thọ; kênh tưới N2 Đồng Mô thị xã Sơn Tây	3.885
	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trạm thực nghiệm chăn nuôi - thủy sản, huyện Thanh Oai	20.242
	Cải tạo, sửa chữa kè Cổ Đô, vị trí tương ứng từ K5+850 đến K6+240 và từ K6+500 đến K7+100 đê hữu Hồng, huyện Ba Vì	22.109
	Cải tạo, sửa chữa kè Vân Phúc, đê Vân Cốc, huyện Phúc Thọ, thành phố HN	7.995
	Xử lý sự cố bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K94+389 đến K94+889 đê hữu Hồng huyện Thường Tín	3.827
	Tu sửa, nâng cấp, mở rộng mặt đê từ K4+000 đến K7+400 đê Tả Đuống thuộc địa bàn các xã Đông Hội, Mai Lâm, huyện Đông Anh	30.174
	Cải tạo, sửa chữa kè Vân Phúc, tương ứng từ K3+670 đến K4+000 đê Vân Cốc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	9.469
	Cải tạo, sửa chữa kè Tản Hồng tương ứng từ K13+900 đến K14+500 đê hữu Hồng thuộc địa bàn các xã Tản hồng, Châu Sơn, huyện Ba Vì	7.551
	Cải tạo, sửa chữa kè Minh Châu tương ứng từ K15+000 đến K16+600 đê hữu Hồng, huyện Ba Vì	19.390
	Tôn cao mặt đê và gia cố mái đê tả sông Duy Tiên đoạn K3+485 đến K4+100; xử lý sạt lở, củng cố mái hạ lưu bờ tả sông Duy Tiên đoạn từ K4+100 đến K4+450, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	6.397
	Sửa chữa kè Thuần Mỹ đoạn từ khu vực K9 đá chông đến khu vực cống lấy nước xã Thuần Mỹ	46.973
	Sửa chữa kè Minh Quang (đoạn 1 từ thôn Pheo đến thôn Mộc; đoạn 2 từ sau kè Đồng Tiến đến đầu kè Liên Bu; đoạn 3 từ sau kè Liên Bu đến cầu Đông Quang) xã Minh Quang	47.898
	Sửa chữa kè Thanh Trì tương ứng đoạn từ K70+980 đến K71+735 đê Hữu Hồng, phường Thanh Trì	7.573
	Sửa chữa kè Thanh Diềm tương ứng từ K34+100 đến K34+200 đê Tả Hồng; kè Văn Khê tương ứng từ K43+000 đến K43+450 đê Tả Hồng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	5.834
	Cải tạo, sửa chữa các hồ, đập chứa thuộc huyện Sóc Sơn (hồ Lò Xá, hồ Xuân Bàng, hồ Nghè, hồ 361, hồ Anh Bé, hồ Đặc Đức, đập Ông Đạm)	2.119
	Cải tạo nâng cấp kênh Trường Thịnh (đoạn từ K2+325 đến K4+290) huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1.922
	Nạo vét, kè gia cố kênh hút trạm bơm Trung Nghĩa huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	2.633
	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Vân đình đoạn từ K0+815 đến K1+240 xã Hồng Minh, huyện Phú xuyên, thành phố Hà Nội	3.016
	Xử lý sự cố sạt lở đê sông Duy Tiên trên địa bàn xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội	471

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh: Kênh TB Bắc Kiên thị xã Sơn Tây; kênh tưới trạm bơm Thu Trai nhánh 1, kênh tưới N13B nhánh 2 huyện Phúc Thọ; kênh tưới trạm bơm Cầu Sỵ huyện Thạch Thất.	1.600
	Cải tạo, nạo vét kênh và công trình trên kênh tiêu trạm bơm Vĩnh Phúc	1.700
	ái tạo, nâng cấp cống Chùa Tổng tại K2+050 trên kênh T3A	1.100
	Cải tạo, sửa chữa các hồ, đập chứa thuộc huyện Ba Vi (hồ Bưởi, hồ Đồng Đầm, hồ Đình Thừ, hồ Cẩm Quý, hồ Phú Lợi, hồ Thó Bịn, hồ Canh Nhím), thành phố Hà Nội	1.991
	Cải tạo, nâng cấp đường hành lang thượng lưu từ vị trí K41+650 ÷ K42+500 đê tá Đáy huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	251
	Cải tạo, nạo vét Sông Nhuệ đoạn từ K7+560 - K8+560 quận Nam Từ Liêm và sông Tô Lịch từ cống qua đường QL1A đến sông Nhuệ huyện Thường Tín	2.885
	Cải tạo, nâng cấp mái đê tá Đáy: Mái thượng lưu từ K60+850 đến K60+950 xã Đồng Tiến, mái hạ lưu từ K65+820 đến K66+100 và từ K67+300 đến K67+820 xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	316
	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	139
	Cải tạo cống Quán Sêu	131
	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi của xã Tân Minh, Sóc Sơn	332
	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi của xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	7.179
	Cải tạo, sửa chữa khắc phục hư hỏng mặt đê một số tuyến đê trên địa bàn thành phố Hà Nội	2.341
	Nạo vét và đắp củng cố bờ kênh Nách Bạc, huyện Phú Xuyên	1.344
	Cải tạo, nạo vét kênh xả trạm bơm Trại Ro	22
	Cải tạo, sửa chữa đầu kè Đan Thê - Tòng Bạt tại K3+460 (chiều dài khoảng 30m) và gia cố chống sạt lở bờ hữu sông Đà các đoạn tương ứng: Từ K3+448 đến K3+460 và từ K3+050 đến K3+150 đê hữu Đà, huyện Ba Vi, Hà Nội	555
	Cải tạo, sửa chữa kè Duyên Hà tương ứng từ K83+800 đến K84+700 đê hữu Hồng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	279
	Cải tạo, nâng cấp đốc lên đê tại vị trí K11+000, K13+800 trên tuyến đê tá Cà Lồ huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	47
	Cải tạo, nâng cấp đường hành lang hạ lưu và đốc lên đê hạ lưu trên tuyến đê hữu Hồng thuộc địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	22
	Cải tạo, nâng cấp đường hành lang thượng lưu từ vị trí K27+950 - K28+300 và đốc lên đê hạ lưu tại vị trí K43+700 đê Tá Đáy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	389
	Khoan phụt vữa gia cố thân đê từ K5+000 đến K7+000 đê tá Đuống, huyện Đông Anh	11
	Cải tạo trạm bơm Đông Cao	1.069
	Cải tạo, nâng cấp mái thượng lưu đê tá Đáy từ K65+800 đến K66+170, từ K66+840 đến K67+700 xã Vạn Thái và mái hạ lưu đê tá Đáy từ K75+730 đến K76+000 xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	148
	Cải tạo trạm bơm Đẹp Thôn	991
	Nạo vét kênh tiêu, bể hút trạm bơm Mạnh Tân huyện Đông Anh; thay thế 04 tổ máy trạm bơm Thịnh Liên và 04 tổ máy trạm bơm Liên Đàm huyện Gia Lâm	816
B	Công trình mới	404.299
I	Chuẩn bị đầu tư	29.285
1	Chi quản lý hành chính	326
	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Chi cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội	137
	Sửa chữa nhà làm việc 3 tầng Thanh tra sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	123
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Trung tâm Khuyến nông Hà Nội: Giao Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	
	Sửa chữa trụ sở Chi cục Thủy lợi và Phòng. chống thiên tai tại số 1 Tô Hiệu	66
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội)	28.959

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Nạo vét kênh tiêu A2-14 (đoạn từ K0 đến K9-500) và nhánh Tân Phương (đoạn từ K0 đến K2-00)	502
	Nạo vét khơi thông lòng dẫn sông Nhuệ đoạn từ cống Hà Đông (K18+100) đến đường vành đai 4 (K30+800)	1.140
	Sửa chữa, khắc phục tình trạng sạt lở đê sông Duy Tiên trên địa bàn xã Đại Xuyên, Châu Can, Phú Xuyên	506
	Sửa chữa đoạn còn lại tuyến kè Tân Hồng - Châu Sơn, huyện Ba Vì	699
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Trung tâm Khuyến nông Hà Nội	132
	Sửa chữa đường hành lang chân đê tả Đuống phía hạ lưu tại K7+400-K7+700; K7+950-K8+212; phía thượng lưu K2+500-K2+800 và đường hành lang chân đê tả Hồng phía hạ lưu tại K55+500-K56+000	401
	Tu sửa dốc lên đê hạ lưu tại K33+600, K33+780, K35+980, K40+670, K43+850, K46+350 K47+210, đê tả Hồng,; thượng lưu tại K28+750, K43+850 đê tả Hồng	243
	Sửa chữa dốc hạ lưu tại K6+330 và K6+570 đê hữu Cà Lò, thượng lưu tại K54+900 đê tả Hồng	111
	Sửa chữa sạt mái hạ lưu đê hữu Đáy đoạn từ K5+150 đến K5+250 trên địa bàn xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ	91
	Sửa chữa hông mặt đê hữu Đáy đoạn từ K6+180-K6+300 trên địa bàn xã Sài Sơn và sạt trượt mái thượng lưu đoạn từ K15+000 đến K15+150; mái hạ lưu đoạn từ K15+150-K16+300 đê hữu Đáy trên địa bàn xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai	413
	Sửa chữa đê hữu Đáy (đê Tô) đoạn K18+300÷ K18+420 đê hữu Đáy (đê cấp III) trên địa bàn huyện Chương Mỹ	276
	Sửa chữa đường hành lang hạ lưu đê hữu Hồng tại K48+600 đến K49+720	357
	Sửa chữa các dốc lên đê: dốc phía hạ lưu đê hữu Đà tại K7+750; các dốc phía hạ lưu đê hữu Hồng tại: K0+650, K6+500, K12+400, K12+830, K16+930, K17+500, K18+180, K19+090; các dốc phía thượng lưu đê hữu Hồng tại: K12+100, K16+500, K17+050, K18+190.	216
	Sửa chữa dốc lên đê chữ Y tại K5+750 và dốc tại K6+000 phía HL đê Ngọc Tảo	62
	Thu gom đá học và xây tường bao quản lý vật tư xây dựng tại phía hạ lưu K0+050 đê Liên Trung; Sửa chữa dốc lên đê Liên Trung phía hạ lưu tại K3+100, K3+400; dốc lên đê hữu Hồng phía hạ lưu tại K41+060, K42+060; dốc lên đê phía hạ lưu K42+440 đê hữu Hồng, huyện Đan Phượng	152
	Sửa chữa dốc lên đê Tiên Tân phía HL tại K4+000 và K5+800; Sửa chữa hệ thống cột Hm trên đê Tiên Tân đoạn từ K0+000-K7+000; trên đê La Thạch đoạn K0+000-K6+650.	89
	Sửa chữa kè Tỉnh Quang tương ứng K5+120 đến K5+130, sửa chữa đường đỉnh kè phạm vi K6+160, đê hữu Đuống, quận Long Biên	222
	Sửa chữa kè Cẩm Hà đê Hữu Cầu K23+880 – K24+950	527
	Sửa chữa kè Kim An tương ứng từ K35+800 đến K36+100 đê tả Đáy, huyện Thanh Oai	256
	Sửa chữa dốc lên đê phía hạ lưu K1+150, K1+270, K1+400 đê bao Quang Lãng, huyện Phú Xuyên	105
	Sửa chữa kè Duyên Hà (Đoạn cuối kè) tương ứng từ K84+450-K84+700 hữu Hồng	116
	Sửa chữa đường hành lang chân đê thượng lưu tại K72+020 - K72+700; Sửa chữa đường hành lang chân đê hạ lưu tại K80+200÷K80+900 đê hữu Hồng	230
	Sửa chữa mặt đường cơ hạ lưu đê hữu Hồng tại K91+500-K92+150, K85+850-K86+180, K87+500-K88+050, K88+800-K89+200, K98+500-K98+795; Sửa chữa nhà kho, cống, dốc đường vào kho Xâm Thị tại K88+780 đê hữu Hồng	302
	Bảo trì Giếng giảm áp K73+650-K74+000 và K80+700-K81+130 đê hữu Hồng	85
	Đắp tầng phản áp để trồng tre chắn sóng K111+800-K112+450 hữu Hồng	326
	Sửa chữa kè My Dương tương ứng từ K31+850 đến K32+850 đê tả Đáy, huyện Thanh Oai	535

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Khoan phụt vữa gia cố thân đê K14+400-K16+400, K22+500-K24+600 đê hữu Hồng, huyện Ba Vì	252
	Khoan phụt vữa gia cố thân đê K77+000 - K79+880 đê hữu Hồng, quận Hoàng Mai	196
	Khoan phụt vữa gia cố thân đê K83+500-K84+600 đê hữu Hồng, huyện Thanh Trì	144
	Khoan phụt vữa gia cố thân đê K61+800-K63+800 tả Hồng, K2+500-K4+500 đê tả Đuống, huyện Đông Anh	262
	Sửa chữa hư hỏng tại trụ pin và dầm đỡ bộ máy công trình cống Vân Cốc	154
	Sửa chữa, xử lý lún sụt và thấm cống Hiệp Thuận	184
	Sửa chữa kè Xuân Canh tương ứng từ K1+300 đến K2+000 đê tả Đuống, huyện Đông Anh	452
	Sửa chữa kè Yên Viên thượng lưu cầu Đuống đoạn tương ứng từ K8+300 đến K8+800 tả Đuống, huyện Gia Lâm	423
	Sửa chữa kè Ngọc Lâm - Bồ Đề đoạn tương ứng từ K64+400 đến K67+300 tả Hồng, quận Long Biên	813
	Sửa chữa kè Cát Bi từ K103+649 đến K104+489 đê hữu Hồng, huyện Phú Xuyên	502
	Sửa chữa kè Hồng Hà đoạn tương ứng từ K40+900 đến K41+950 đê hữu Hồng, huyện Đan Phượng	444
	Sửa chữa kè Liên Hồng đoạn tương ứng từ K43+200 đến K43+400 và từ K43+970 đến K44+134 đê hữu Hồng, huyện Đan Phượng	522
	Sửa chữa hệ thống thiết bị điện công trình Đập Đáy và cống Vân Cốc	573
	Sửa chữa kè Xâm Thị tương ứng từ K86+139 đến K86+389 và K86+544 đến K86+800 đê hữu Hồng, huyện Thường Tín	458
	Sửa chữa kè Liên Trì đoạn tương ứng từ K44+200 đến K46+500 đê hữu Hồng, huyện Đan Phượng	774
	Nạo vét kênh tiêu 71 và kênh dưới đường 71	247
	Nạo vét, sửa chữa kênh Thần - Anh Trỗi	280
	Nạo vét, sửa chữa kênh A2 - 12 huyện Ứng Hòa	967
	Nạo vét kênh tiêu Đan Nhiễm từ K0+00 đến K2+465	153
	Nạo vét, sửa chữa hệ thống kênh tiêu khu Giữa	898
	Nạo vét, sửa chữa hệ thống kênh tiêu Anh Hùng	982
	Nạo vét kênh tiêu Bến Tre, lòng ngòi Ba Đông	473
	Nạo vét tuyến sông Giàng	1.098
	Sửa chữa hồ chứa nước Đền Sóc, huyện Sóc Sơn	750
	Sửa chữa kênh tưới trạm bơm Hạ Dục đi Thượng Vực	380
	Nạo vét và tu sửa các công trình trên kênh tiêu Trung Hòa; kênh tiêu Bạch Tuyết	850
	Nạo vét, tu sửa bờ kênh tiêu Ruột Gà	301
	Xử lý sạt lở và nạo vét kênh tiêu Phụ Chính	305
	Nạo vét kênh Đan Thâm	176
	Nạo vét, sửa chữa kênh xả trạm bơm tiêu Phụng Châu	166
	Sửa chữa hồ chứa nước Miếu, huyện Chương Mỹ	293
	Nạo vét kênh Máng 7	497
	Nạo vét kênh Cầu Nậy	372
	Nạo vét kênh N5B	261
	Nạo vét kênh tiêu trạm bơm Thụy Đức	387
	Sửa chữa đập chính, kênh tưới hồ chứa nước Cổ Đụng	771
	Sửa chữa bể hút trạm bơm Sông Hang	235
	Sửa chữa kênh Bắc hồ Xuân Khanh K0+00 đến K2+400	249
	Sửa chữa tràn xả lũ hồ chứa nước Vai Xô; tràn xả lũ, cống lấy nước hồ chứa nước Hóc Cua	330
	Sửa chữa, xử lý tổ mối, khoan phụt vữa, chống thấm đập Ngải Sơn hồ chứa nước Đồng Mô, thị xã Sơn Tây	1.073
	Sửa chữa hồ chứa nước Đồng Sở, huyện Thạch Thất	425
	Sửa chữa cống tự chảy, kênh tưới hồ Linh Khiêu	399
	Sửa chữa Văn phòng Chi cục TT&BVTV Hà Nội	157
	Sửa chữa trụ sở làm việc Hạt quản lý đê Cát Bi	67

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Sửa chữa chuồng thú dữ số 5, 5A và 6 tại Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội	132
	Sửa chữa các chòi canh gác lửa rừng, nhà quản lý và nhà gác cửa rừng	173
	Sửa chữa Sở Nông nghiệp & PTNT	550
	Sửa chữa nhà làm việc, hội trường khu quản lý công trình Đập Đáy	170
	Sửa chữa nhà quản lý, nhà điều khiển công Cẩm Đình	145
II	Thực hiện dự án	375.014
2	Chỉ sự nghiệp kinh tế (Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội)	375.014
	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới chính trạm bơm Cẩm Hà 1, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	12.383
	Kiên cố hóa kênh Tây thuộc hệ thống thủy nông Áp Bắc - Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	500
	Cải tạo, nạo vét kênh tiêu Hoàng Đông, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	500
	Cải tạo, sửa chữa, cứng hóa kênh xả trạm bơm Áp Bắc, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	7.845
	Cải tạo, cứng hóa mặt bê tông Đáy từ K22+200 đến K23+650, sửa chữa mái thượng lưu bê tông Đáy từ K22+216,8 đến K22+750, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	13.574
	Sửa chữa trạm bảo vệ rừng Hang Vò thôn Đục Khê; Nhà kho chứa máy móc, dụng cụ PCCCR và khu bể nước cơ sở 2, thôn Tiên Mai	900
	Sửa chữa chuồng linh trưởng số 1 và số 2 tại Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội	1.498
	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ sản xuất của Trạm Thực nghiệm cây trồng, huyện Thường Tín	4.240
	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ sản xuất của Trạm PTNN vùng 1 (xã Cổ Đô, huyện Ba Vì)	1.779
	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ sản xuất của Trạm PTNN vùng 1 (xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ)	769
	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ sản xuất của Trạm PTNN vùng 2 (xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ)	1.449
	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ sản xuất của Trạm PTNN vùng 2 (xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa)	585
	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ sản xuất của Trạm PTNN vùng 2 (xã Thư Phú, huyện Thường Tín)	1.085
	Cải tạo, sửa chữa Hạt Quản lý dê Hoài Đức	894
	Sửa chữa, sơn sửa 17 chòi canh gác lửa rừng	1.791
	Cải tạo, sửa chữa Hạt Kiểm lâm Thường Tín	1.561
	Bổ sung kho vật tư chống lụt bão tại K75+700 đê hữu Hồng	400
	Sửa chữa Kho CLB Chu Minh tại K21+200 đê hữu Hồng	398
	Xử lý sạt lở Kè Phú Châu tại K19+700 đê hữu Hồng	
	Xử lý sạt lở mái đê thượng lưu K47+895; K47+915 tá Đáy	
	Tu sửa kè Xuân Nộn K0+800-K1+700 đê hữu Cà Lồ, Đông Anh	1.918
	Sửa chữa kè Đức Hòa - Kim Lũ K11+800 - K12+100 đê tả Cà Lồ, Sóc Sơn	3.023
	Khoan phụt vữa gia cố thân đê K13+500-K16+900 đê hữu Đáy, Quốc Oai	3.059
	Sửa chữa đường hành lang thượng lưu K73+000-K73+970 đê hữu Hồng, Hoàng Mai	2.700
	Sửa chữa đường hành lang thượng lưu K41+700 - K42+100 đê tả Hồng, Mê Linh	1.543
	Sửa chữa đường hành lang chân đê hạ lưu K76+700 - K77+200 đê hữu Hồng, Hoàng Mai	
	Sửa chữa dốc lên đê phía hạ lưu đê hữu Hồng, Ba Vì tại K15+200	400
	Tu sửa dốc lên đê hạ lưu K33+730 tả Hồng, đường hành lang hạ lưu K33+730 - K33+900 đê tả Hồng, Mê Linh	865
	Sửa chữa, bổ sung kho vật tư, chứa dọ thép tại K15+000 đê tả Cà Lồ, Sóc Sơn	400
	Tu sửa đường hành lang chân đê K53+500 ÷ K54+500 hạ lưu, K54+200-K54+500 thượng lưu, đê hữu Hồng	5.500

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Dự toán năm 2023 sau điều chỉnh
	Chỉnh trang mái đê thượng lưu, sửa chữa đường hành lang thượng lưu K70+500-K71+080 đê hữu Hồng, Hoàng Mai	2.963
	Sửa chữa dốc lên đê Dốc chữ Y tại K13+850 hạ lưu hữu Đáy	
	Sửa chữa kè Vân Phúc tương ứng từ K4+000 đến K4+300 đê Vân Cốc	200
	Sửa chữa nhà điều khiển; nhà mái che ngoài cầu; công, tường rào khu quản lý công Vân Cốc	2.798
	Sửa chữa cửa van công trình Đập Đáy và công Vân Cốc	6.747
	Sửa chữa kênh dẫn hạ lưu công trình Đập Đáy phục vụ bơm nước vệ sinh công trình	1.599
	Sửa chữa kè Xâm Thị các đoạn tương ứng từ K87+500 đến K88+000, từ K88+100 đến K88+200 và từ K88+800 đến K89+089 đê hữu Hồng, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	63.200
	Sửa chữa kè An Cảnh tương ứng từ K95+900 đến K96+300 đê hữu Hồng, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	31.941
	Sửa chữa kè Dương Hà tương ứng từ K11+140 đến K12+540 đê tả Đuống, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	45.000
	Sửa chữa mặt đê hữu Đà, đoạn từ K2+200 đến K8+200 đi qua địa bàn xã Sơn Đà, Tòng Bạt, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	2.500
	Sửa chữa, khắc phục sự cố lún sụt, sạt lở kênh dẫn thượng lưu công Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ	10.640
	Sửa chữa kè Cẩm Đình - Xuân Phú đoạn tương ứng từ K1+700 đến K2+500 đê Vân Cốc	35.456
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Nhuệ quản lý trên địa bàn các huyện Thanh Trì, Thường Tín	1.800
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Nhuệ quản lý trên địa bàn các xã Nam Phong, Nam Triều, Khai Thái của huyện Phú Xuyên	3.582
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Nhuệ quản lý trên địa bàn huyện Phú Xuyên	1.903
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Nhuệ quản lý trên địa bàn các xã Liên Bạt, Quảng Phú Cầu, Phương Tú, Trung Tú, Minh Đức, Đông Tân của huyện Ứng Hoà	29.400
	Sửa chữa, nạo vét các trục tiêu chính (kênh Ngoại Độ và kênh Vân Đình) các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Nhuệ quản lý trên địa bàn huyện Ứng Hoà	30.000
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Nhuệ quản lý trên địa bàn xã Vạn Thái, huyện Ứng Hoà	3.600
	Sửa chữa, nạo vét các tuyến kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Đáy quản lý trên địa bàn huyện Đan Phượng, quận Bắc Từ Liêm	2.516
	Sửa chữa, nạo vét các tuyến kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Đáy quản lý trên địa bàn huyện Mỹ Đức	7.466
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Đáy quản lý trên địa bàn huyện Thanh Oai	3.231
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Hà Nội quản lý trên địa bàn huyện Sóc Sơn	7.079
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Hà Nội quản lý trên địa bàn huyện Mê Linh	3.028
	Sửa chữa, nạo vét các công trình kênh do Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Hà Nội quản lý trên địa bàn huyện Đông Anh	6.806

#REF!

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
(VỐN SỰ NGHIỆP) NĂM 2023**

Giao: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-SNN ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	Dự toán sau điều chỉnh
	Tổng số	112.350	-112.350
	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025	12.350	-12.350
	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030	100.000	-100.000